

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 3 - 2023
V/v ly hôn giữa chị P và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiên

Ông Nguyễn Thế Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/202/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim P – Sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T – Sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2022, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày: Chị và anh Phạm Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh T mãi chơi, không tu trí làm ăn vấn đề này đã được chị và người thân khuyên giải nhưng anh T không nghe, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 10/2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Lan P1, sinh ngày 16/01/2017 và cháu Phạm Trí N, sinh ngày 23/05/2019 hiện cháu P1 đang ở với chị và cháu Nhân ở với anh T. Khi ly hôn chị tiếp tục nuôi cháu P1 và anh T tiếp tục nuôi cháu Nhân, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. T hợp anh T không đồng ý nuôi con chị xin được nuôi cả 02 con không yêu cầu anh T cấp dưỡng, vì hiện nay chị đang làm kinh doanh tự do có thu nhập mỗi tháng từ 10 đến 13 triệu đồng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị P.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với bà Trần Thị M (mẹ đẻ của anh T) thể hiện: Anh Phạm Văn T kết hôn với chị Trần Thị Kim P tại UBND xã B vào năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, tuy nhiên thời gian gần đây anh T bị bạn bè rủ rê nên chơi bời, vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T nhận ra sai lầm của mình, xin lỗi vợ nhưng chị P không nghe, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2022. Anh T và chị P có 02 con chung là cháu Phạm Lan P1 và cháu Phạm Trí N, hiện cháu P1 đang ở với chị P và cháu Nhân đang ở với anh T và gia đình bà. Anh T biết việc chị P xin ly hôn, anh có ý kiến tiếp tục nuôi cháu Nhân, nhưng bà từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để giao cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử lý ly hôn giữa chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao chị P trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Lan P1, sinh ngày 16/01/2017 và giao anh T tiếp tục nuôi con chung là cháu Phạm Trí N, sinh ngày 23/05/2019. Chị P và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Kim P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kim P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Phạm Văn T đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 21/12/2015, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T không tu chí là ăn đã được chị và gia đình khuyên giải nhưng không thành. Từ tháng 10/2022 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Phạm Văn T biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P với anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị P.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị P và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn T của chị Trần Thị Kim P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Lan P1, sinh ngày 16/01/2017 và cháu Phạm Trí N, sinh ngày 23/05/2019 hiện cháu P1 đang ở với chị P và cháu Nhân ở với anh T.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị P đề nghị mỗi người nuôi 01 con, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên bà Mai mẹ đẻ của anh T có ý kiến hiện cháu Nhân đang ở với anh T và gia đình bà, được gia đình bà và anh T chăm sóc rất tốt. Do vậy đề nghị của chị P phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là cháu Phạm Lan P1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Trí N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị P và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Kim P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cho chị Trần Thị Kim P tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Lan P1, sinh ngày 16/01/2017 và giao cho anh Phạm Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Trí N, sinh ngày 23/05/2019. Chị P và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kim P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai số 0004795, ngày 01 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh